

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BG
TỈNH BG**

Bản án số: **04/2025/HS-ST**

Ngày 15-01-2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BG, TỈNH BG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tư và bà Hoàng Thị Hồng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố BG, tỉnh BG.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BG, tỉnh BG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 142/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Y D nay là thụ lý số 05/2024/TLST-HS ngày 06/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố BG (do sáp nhập huyện Y D vào thành phố BG theo Nghị quyết số 1191/NQ-UBTVQH15 ngày 28/9/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2024/QĐXXST-HS ngày 16/12/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2024/QĐST-HS ngày 27/12/2024 và thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 02/TB-HS ngày 05/01/2025, đối với bị cáo: **TQT**, sinh năm 2000; nơi cư trú: Thôn B R, xã Y C, huyện C M, tỉnh BK; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Dao; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hoá: 11/12; con ông HVH, sinh năm 1979 và bà TTT, sinh năm 1979; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/11/2024 đến nay hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh BG. *(Có mặt)*

- *Bị hại:* Chị L T X, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn N A A, xã N H, huyện B H, tỉnh LC. *(Vắng mặt)*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị NTKO, sinh năm 1989; nơi cư trú: T S, xã DS, thành phố BG, tỉnh BG. *(Vắng mặt)*

+ Bà TTT, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn B R, xã Y C, huyện C M, tỉnh BK. *(Có mặt)*

- *Người bào chữa cho bị cáo TQT:* Bà OTT, sinh năm 1979 - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh BG; địa chỉ: Văn phòng Luật sư VAH, số X87, đường LL, phường HVT, thành phố BG, tỉnh BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: TQT là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định. Từ tháng 9/2024, TQT từ quê đến xã N H, huyện Y D để tìm việc làm nhưng chưa đăng ký tạm trú. Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 09/11/2024, TQT điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave A, màu đen, biển biển số 97AC-XX3.78 đi một mình đến quán Karaoke KTV Vegas tại T C, xã N H, huyện Y D, tỉnh BG của chị D T N, sinh năm 1985 để hát cùng một số người bạn (không xác định được tên, tuổi, địa chỉ của những người bạn này). Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, TQT rời khỏi phòng hát để về trước, khi đi đến quầy lễ tân TQT quan sát thấy 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro max, màu vàng gold, ốp màu trắng (là chiếc điện thoại của chị L T X là nhân viên quán hát) để trên mặt bàn quầy lễ tân nên TQT đã nảy sinh ý định trộm cắp 01 (một) chiếc điện thoại di động này mang đi bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Sau khi nảy sinh ý định, TQT để ý thấy nhân viên lễ tân sơ hở nhìn đi hướng khác TQT đưa tay phải cầm chiếc điện thoại di động của C X sau đó cất giấu vào trong túi quần bên phải rồi đi ra khỏi quán. Sau đó TQT điều khiển xe mô tô về phòng trọ của mình tại thôn Sy, xã N H, huyện Y D, tỉnh BG. Sau khi bỏ điện thoại ra kiểm tra thì thấy điện thoại có mặt khóa nên không sử dụng được. Đến buổi sáng ngày 10/11/2024, TQT điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 97AC-XX3.78 đi một mình đến quán điện thoại tổ dân phố M D, phường N, thị xã VY, tỉnh BG nói là điện thoại của TQT và đặt vấn đề bán chiếc điện thoại trên cho chị NTKO(chủ cửa hàng) với số tiền 1.500.000 đồng thì C O đồng ý đưa tiền cho TQT và giữ lại điện thoại. Sau đó, C O đã bán chiếc điện thoại trên cho một người không quen biết. Toàn bộ số tiền có được TQT đã chi tiêu cá nhân hết.

Cùng ngày 09/11/2024, chị L T X phát hiện bị kẻ gian lấy trộm điện thoại nên đã báo cho chị D T N là chủ quán hát. C N kiểm tra Camera tại quán phát hiện đối tượng trộm cắp điện thoại của C X. Ngày 13/11/2024 chị L T X có đơn trình báo Công an huyện Y D. Cơ quan điều tra Công an huyện Y D đã xác định hiện trường và thu giữ hình ảnh Camera tại hiện trường ghi lại diễn biến vụ án.

Ngày 13/11/2024, nhận thức được hành vi của mình đã bị phát hiện nên TQT đã đến Cơ quan Công an để xin đầu thú và tự nguyện giao nộp: 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave A, màu sơn đen, số khung RLHJAXX31RYXX5942, số máy JA70E0505XX9, biển kiểm soát 97AC-XX3.78; 01 áo phông cộc tay màu trắng, ngực áo có chữ “specxcloffar”; 01 quần vải dài màu đen; 01 đôi giày lười da màu đen đều ghi size 41; 01 áo phông cộc tay màu đen; 01 quần sooc màu đen đều đã

qua sử dụng bị cáo sử dụng khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và khi đi bán chiếc điện thoại do trộm cắp mà có.

Tại Kết luận định giá tài sản số 72 ngày 19/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Y D kết luận: 01 chiếc điện thoại Iphone 13 promax, màu vàng gold, dung lượng 256GB, gắn ốp lưng màu trắng đã qua sử dụng trị giá 16.583.000 đồng.

Về vật chứng: Đối với chiếc điện thoại Iphone 13 promax của C X, sau khi C O mua chiếc điện thoại trên đã bán cho một người không quen biết nên cơ quan điều tra không thu hồi được tài sản. Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 97AC-XX3.78, quần, áo, giày thu giữ của TQT được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự để xử lý theo quy định.

Tại cơ quan điều tra, TQT đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 03/CT-VKSYD ngày 10/12/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y D nay là Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG đã truy tố TQT về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo T đã khai nhận toàn bộ nội dung, diễn biến hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Sau khi phạm tội, bị cáo đã tác động người nhà nhờ mẹ đẻ là bà TTT bồi thường cho bị hại số tiền 16.583.000đồng. Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 97AC-XX3.78 là của bà Thời, bà Thời không biết bị cáo dùng chiếc xe vào việc phạm tội nên bị cáo đề nghị HĐXX xem xét trả lại chiếc xe trên cho bà Thời. Đối với 01 áo phong cộc tay màu trắng, 01 quần vải, 01 đôi giày, 01 áo phong cộc tay màu đen và 01 quần sooc màu đen là đồ dùng cá nhân của bị cáo nhưng đều đã cũ và không có giá trị sử dụng nên bị cáo không có yêu cầu được trả lại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà TTT trình bày: Bà nhất trí hoàn toàn với lời khai của bị cáo. Sau khi phạm tội bị cáo đã tác động nhờ bà bồi thường cho bị hại số tiền 16.583.000đồng, đây là tiền của cá nhân bà nhưng nay bà không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho bà số tiền trên. Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 97AC-XX3.78 là của bà, bà cho bị cáo mượn để lấy phương tiện đi làm, bà không biết bị cáo dùng vào việc phạm tội nên bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho bà chiếc xe trên.

Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, không ai có ý kiến gì.

Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo TQT từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù cho

hưởng án treo về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Y C, huyện C M, tỉnh BK giáo dục trong thời gian thử thách. Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về tội phạm khác.

- Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý về vật chứng: Trả lại bà TTT 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 97AC-XX3.78 và tịch thu tiêu hủy: 01 áo phong cộc tay màu trắng, 01 quần vải, 01 đôi giày, 01 áo phong cộc tay màu đen, 01 quần sooc màu đen.

- Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét do bị hại và người liên quan đều không có yêu cầu.

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo T.

Người bào chữa cho bị cáo T tranh luận: Nhất trí với tội danh, điều khoản và mức hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố và đề nghị đối với bị cáo T. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có 06 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự; có nơi cư trú rõ ràng; thuộc hộ nghèo và là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn; hơn nữa bị cáo cũng đã khắc phục hậu quả, bồi thường cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do vậy, để đảm bảo tính khoan hồng của pháp luật, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo T ở mức từ 09 đến 12 tháng tù cho bị cáo được hưởng án treo đồng thời trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về tội phạm khác.

Bị cáo nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa và không có tranh luận gì với bản luận tội của Kiểm sát viên. Người bào chữa không tranh luận gì thêm. Bà Thời không có ý kiến gì khác.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội trở về với gia đình, cộng đồng và sửa chữa sai lầm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra và Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng trình tự, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, có

đủ cơ sở xác định các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị hại và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử đã căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện nội dung vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 09/11/2024, tại quán Karaoke KTV Vegas thuộc T C, xã N H, huyện Y D nay là tổ dân phố Chiền, phường N H, thành phố BG tỉnh BG, TQT đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu vàng gold, có ốp màu trắng trị giá 16.583.000đồng của chị L T X rồi đem chiếc điện thoại trộm cắp được đến cửa hàng mua bán điện thoại tại tổ dân phố M D, phường N, thị xã VY bán cho chị NTKO được 1.500.000đồng. Sau đó C O đã bán chiếc điện thoại trên cho một người không quen biết nên cơ quan điều tra không thu hồi lại được. Toàn bộ số tiền do phạm tội mà có T đã chi tiêu cá nhân hết.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi vi phạm với lỗi cố ý, đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG, tỉnh BG truy tố bị cáo về tội danh theo khoản, điều luật trên là có căn cứ.

[4] Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[4.1] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, cần phải xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự.

[4.2] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[4.3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4.4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú và đã tác động người nhà bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo còn có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự hoàn thành tốt nhiệm vụ trở về địa phương. Do vậy, bị cáo được áp

dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Từ những phân tích đánh giá như trên, đối chiếu hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thấy bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo. Để đảm bảo tính nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước và pháp luật, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù giam mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát theo Điều 65 Bộ luật Hình sự với mức hình phạt trong khung như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp, đảm bảo giáo dục, răn đe bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thuộc hộ nghèo và là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 25/11/2024, mẹ đẻ bị cáo bà TTT đã thay bị cáo bồi thường cho C X số tiền 16.583.000đồng. Đến nay, C X không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì về trách nhiệm dân sự. Bà Thời không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền trên. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về trách nhiệm dân sự. Trường hợp giữa bà Thời và bị cáo có tranh chấp về số tiền đã bồi thường trên thì có quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

[7] Về vật chứng:

[7.1] Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave A, màu sơn đen, số khung RLHJAXX31RYXX5942, số máy JA70E0505XX9, biển kiểm soát 97AC-XX3.78 đã qua sử dụng: Quá trình điều tra đã xác định là tài sản hợp pháp của bà TTT nên cần trả lại cho bà Thời là phù hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7.2] Đối với 01 áo phong cộc tay màu trắng, ngực áo có chữ “specxcloffar”; 01 quần vải dài màu đen; 01 đôi giày lười da màu đen đều ghi size 41; 01 áo phong cộc tay màu đen; 01 quần sooc màu đen đều đã qua sử dụng: Đây là đồ dùng cá nhân của bị cáo sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội, nay không có giá trị sử dụng, bị cáo không đề nghị trả lại nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Đối với việc bà TTT cho bị cáo mượn xe nhưng không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và việc chị NTKO có hành vi mua chiếc điện thoại của bị cáo T nhưng C O không biết đây là tài sản do T phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý đối với bà T và C O.

[9] Về án phí: Bị cáo thuộc hộ nghèo và là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên cần miễn án hình sự sơ thẩm cho bị cáo là phù hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[10] Ngoài ra cần áp dụng quy định Điều 331; Điều 333; khoản 1 Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tuyên về quyền kháng cáo, kháng nghị.

[11] Cần trả tự do cho bị cáo TQT nếu bị cáo không bị tạm giam về tội khác theo quy định tại khoản 4 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[12] Từ những phân tích đánh giá như trên, Hội đồng xét xử thấy đề nghị của Kiểm sát viên và người bào chữa tại phiên tòa là phù hợp, có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 106; khoản 4 Điều 328; Điều 331; Điều 333; khoản 1 Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Xử phạt bị cáo TQT **11 (Mười một)** tháng tù cho hưởng án treo về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời gian thử thách **01 (Một)** năm **10 (Mười)** tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15/01/2025).

Giao bị cáo TQT cho Ủy ban nhân dân xã Y C, huyện C M, tỉnh BK giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

1.2. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo TQT Trả nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Vật chứng:

2.1. Trả lại cho bà TTT 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave A, màu sơn đen, số khung RLHJAXX31RYXX5942, số máy JA70E0505XX9, biển kiểm soát 97AC-XX3.78 đã qua sử dụng.

2.2. Tịch thu tiêu hủy: 01 áo phông cộc tay màu trắng, ngực áo có chữ “specxcloffar”; 01 quần vải dài màu đen; 01 đôi giày lười da màu đen đều ghi size 41; 01 áo phông cộc tay màu đen; 01 quần sooc màu đen đều đã qua sử dụng.

3. Án phí: Bị cáo TQT được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định. Thời hạn kháng nghị đối với bản án của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 30 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BG;
- VKSND tỉnh BG;
- VKSND thành phố BG;
- Chi cục THADS thành phố BG;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- CQCSĐT Công an thành phố BG;
- Trại tạm giam Công an tỉnh BG;
- UBND phường, xã nơi cư trú bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh BG;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hằng